

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CÙ  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST  
Ngày 16 - 01 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiệu và bà Nguyễn Thị Quyên;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2022/TLST-HS ngày 30/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03/01/2023 đối với bị cáo:

**Tạ Thị Q**, sinh năm 1961, tại thị trấn T, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn P1, xã T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn B và bà Đặng Thị O (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Xuân K và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại “có mặt”.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1996 (vợ chồng);

Đều trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên “đều xin xét xử vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 19/11/2022, Tạ Thị Q cư trú tại thôn P1, xã T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên đến cửa hàng vàng bạc Q V địa chỉ tại thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên của vợ chồng anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị A để bán 02 chỉ vàng. Lúc này tại cửa hàng có nhiều khách đến giao dịch mua, bán hàng và chị Nguyễn Thị A (vợ anh V) là người trực tiếp đứng tại quầy hàng để giao dịch với khách đến cửa hàng vàng bạc Q V. Sau khi Tạ Thị Q giao dịch

bán 01 chiếc nhẫn loại 02 chỉ vàng cho chị A xong. Tạ Thị Q xem hàng trong tủ trưng bày hàng tại cửa hàng và bảo chị A lấy cho Q xem một số mẫu dây chuyền bằng vàng để lựa chọn mua. Chị A đồng ý và đưa cho Tạ Thị Q cầm xem 02 sợi dây chuyền vàng 24k loại 03 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 24k loại 05 chỉ. Trong khi xem hàng, lợi dụng sơ hở khi chị A đang nói chuyện, tư vấn cho các khách hàng khác không chú ý quan sát, nên Tạ Thị Q đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 24k loại 05 chỉ và Q đã cầm sợi dây chuyền 5 chỉ vàng kẹp, cất giấu vào lòng bàn tay trái của mình, dùng phần tay áo chống nắng đang mặc che khuất để chị A không nhìn thấy, còn 02 sợi dây chuyền vàng loại 03 chỉ thì Tạ Thị Q giao trả cho chị A nhận lại và cất vào tủ hàng trưng bày tại cửa hàng, còn Q ra ngoài cửa hàng lấy xe đi về nhà mình.

Vật chứng thu giữ: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, trên bề mặt dây chuyền tại vị trí móc khóa có khắc chữ “VN”, dây chuyền có các họa tiết trang trí hình kim tiền, niêm phong trong phong bì thư ghi ký hiệu “A2”.

Kết luận giám định số: 8093/KL-KTHS ngày 05/12/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng (ghi ký hiệu A2) có tổng khối lượng 18,75 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình 99,65%.

Kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐG ngày 12/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phù Cừ kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng có tổng khối lượng 18,75 gam là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình 99,65%, tại thời điểm ngày 19/11/2022 tài sản có giá trị 26.650.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 20/12/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cừ đã trả lại 01 dây chuyền vàng (Au) có khối lượng 18,75 gam, hàm lượng Au trung bình 99,65% cho anh Nguyễn Đức V là chủ sở hữu hợp pháp. Vợ chồng anh V và chị A không yêu cầu Tạ Thị Q bồi thường gì thêm về phần dân sự và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Tạ Thị Q.

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKSPC ngày 30/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Tạ Thị Q về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Q theo nội dung cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Thị Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Q; phần trách nhiệm dân sự do bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bị cáo Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Tạ Thị Q nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với hành vi của bị cáo Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố theo nội dung cáo trạng. Đến nay, bị cáo Q đã nhận rõ sai phạm của bản thân, rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét phạt bị cáo mức án thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành người tốt, có ích cho gia đình, xã hội và cam kết không vi phạm pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của Tạ Thị Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Đơn trình báo và lời khai của các bị hại anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị A; biên bản, sơ đồ, bản ảnh chụp hiện trường; dữ liệu hình ảnh được trích xuất từ Camera giám sát của cửa hàng vàng bạc Q V; vật chứng được thu giữ là 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, trên bề mặt dây chuyền tại vị trí móc khóa có khắc chữ “VN”, dây chuyền có các họa tiết trang trí hình kim tiền, có tổng khối lượng 18,75 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình 99,65%; phù hợp các kết luận giám định và kết luận định giá tài sản; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 19/11/2022, tại cửa hàng vàng bạc Q V ở thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên bị cáo Tạ Thị Q sau khi bán 01 chiếc nhẫn loại 02 chỉ vàng cho chị A là chủ cửa hàng, sau đó bị cáo đề nghị chị A lấy cho xem một số mẫu dây chuyền bằng vàng để lựa chọn, mua. Sau khi bị cáo Q được chị A lấy đưa cho xem 03 sợi dây chuyền vàng 24k, trong đó có 02 sợi dây chuyền loại 03 chỉ và 01 sợi dây chuyền loại 05 chỉ. Lợi dụng việc chị A đang giao dịch, tư vấn cho các khách hàng khác nên Tạ Thị Q đã lén lút cất giấu, chiếm đoạt được của vợ chồng anh Vinh và chị A 01 sợi dây chuyền loại 05 chỉ vàng 24k, có khối lượng 18,75 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình 99,65%, trị giá là 26.650.000 đồng.

Bị cáo Tạ Thị Q là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo Q thực hiện như phân tích đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Tạ Thị Q về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng

thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo là người độc lập thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo đã là người cao tuổi nhưng xuất phát từ lòng tham, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của riêng mình nên đã phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tạ Thị Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tạ Thị Q phạm tội không bị bắt quả tang, nhưng sau khi phạm tội bị người bị hại phát hiện mất tài sản, xem Camera giám sát có nghi ngờ bị cáo trộm cắp tài sản của mình, nên đến nhà bị cáo nói chuyện và bị cáo cũng đã nhận rõ sai phạm, thừa nhận đã trộm cắp sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 24k của cửa hàng vàng bạc Q V. Sau đó bị cáo có thái độ hợp tác với bị hại, tự nguyện đến Công an thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ xin đầu thú và giao nộp nguyên vẹn vật chứng là sợi dây chuyền vàng 24k loại 5 chỉ mà bị cáo đã chiếm đoạt được. Vật chứng này sau đó đã được cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ giao trả lại toàn bộ cho bị hại; hành vi phạm tội của bị cáo Q đã hoàn thành nhưng tài sản đã được giao nộp toàn bộ và giao trả cho bị hại, trên thực tế thì chưa gây thiệt hại cho bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải thật sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có nhân thân tốt, bản thân từ trước đến thời điểm phạm tội không có tiền án, tiền sự, lần này phạm tội là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố chồng là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; bị cáo thuộc người cao tuổi và các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Tạ Thị Q có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có hữu ích cho gia đình, xã hội là phù hợp quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Q đã hết tuổi lao động, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả bị hại, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ, được chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị A là bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, nay anh V và chị A không yêu cầu giải quyết về phân trách nhiệm dân sự, nên bản án không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo Tạ Thị Q là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Bị cáo Tạ Thị Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

**Xử phạt** bị cáo Tạ Thị Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/01/2023.

Giao Tạ Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

**Án phí:** Bị cáo Tạ Thị Q phải chịu 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt các bị hại; đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho các bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

**Nơi nhận:**

- Bị cáo Q;
- Bị hại: Anh V, chị A;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- Cơ quan THA hình sự & dân sự huyện Phù Cừ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**